

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2022

V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đạo

2. Ông Võ Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 319/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh H, sinh ngày 01/01/1970 (có mặt)

Trú tại: ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn: Chị Ph, sinh ngày 12/01/1972.

Trú tại: ấp B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị Ph có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 16/5/2022

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh H trình bày:

Anh và chị Ph tự nguyện kết hôn vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 19/01/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên cả hai đã ly thân từ đó cho đến nay và hai bên gia đình có nhiều lần vận động vợ chồng anh hàn gắn nhưng vẫn không đạt được kết quả. Nay, anh nhận

thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Ph .

Về con chung: Có 02 con chung: Tr, sinh ngày 09/3/1994 và Th, sinh ngày 29/9/1996. Hiện cả hai con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Đại số tiền 42.000.000 đồng, số tiền nợ nêu trên anh đồng ý mỗi người trả một nửa.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/5/2022 và trong quá trình tố tụng vụ án, chị Ph trình bày:

Chị thống nhất với anh H trình bày về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về tình cảm vợ chồng, chị xác định vợ chồng khi chung sống có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung: Trần Hoàng Ân, sinh ngày 09/3/1994 và Trần Hoài Thương, sinh ngày 29/9/1996. Hiện cả hai con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Đại số tiền 42.000.000 đồng, số tiền nợ nêu trên anh đồng ý mỗi người trả một nửa.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX (Hội đồng xét xử) thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho anh H ly hôn với chị Ph . Về con chung: Đã thành niên nên không xét đến; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xét đến; Về nợ chung: Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/4/2022. Căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: anh H và chị Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo quy định pháp luật vào ngày 19/01/2003, do đó, hôn nhân của anh H và chị Ph là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh H và chị Ph thống nhất vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Ph đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung: Trần Hoàng Ân, sinh ngày 09/3/1994 và Trần Hoài Thương, sinh ngày 29/9/1996. Hiện cả hai con đều đã thành niên và có khả năng lao động, anh H và chị Ph không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến

[5] Về nợ chung: Anh H và chị Ph trình bày có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Đại số tiền 42.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 22/4/2022 Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Đại có đơn không yêu cầu giải quyết về số nợ nêu trên trong cùng vụ án ly hôn này nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh H phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho anh H ly hôn với chị Ph .

2. Về con chung: Có 02 con chung T, sinh ngày 09/3/1994 và Th, sinh ngày 29/9/1996. Hiện cả hai con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không xét đến

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0003482 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã B;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng